



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2008

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008)

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	901,136,512,591	786,260,032,054
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	180,476,705,109	78,945,646,068
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16,861,556,680	24,131,274,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	186,221,548,205	56,223,272,684
4	Hàng tồn kho	504,271,017,627	606,566,302,994
5	Tài sản ngắn hạn khác	13,305,684,970	20,393,536,308
II	Tài sản dài hạn	514,705,818,716	894,219,282,741
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	51,321,720,212	304,015,384,495
	- Tài sản cố định hữu hình	49,253,455,377	86,328,675,866
	- Tài sản cố định vô hình	288,226,835	192,938,730,129
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,780,038,000	24,747,978,500
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	329,655,288,400	426,682,310,080
5	Lợi thế thương mại	2,714,496,688	1,628,698,013
6	Tài sản dài hạn khác	131,014,313,416	161,892,890,153
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,415,842,331,307	1,680,479,314,795
IV	Nợ phải trả	449,013,816,934	715,907,145,044
1	Nợ ngắn hạn	380,825,365,680	638,698,749,168
2	Nợ dài hạn	68,188,451,254	77,208,395,876
V	Vốn chủ sở hữu	936,865,375,555	913,933,606,767
1	Vốn chủ sở hữu	928,746,833,338	894,412,531,083
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	525,000,000,000	525,000,000,000
	- Cổ phiếu quỹ	0	0
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	(674,695,998)
	- Các quỹ	15,341,234,966	46,270,406,940
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	88,405,598,372	23,816,820,141
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	8,118,542,217	19,521,075,684
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	8,118,542,217	19,521,075,684
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	Lợi ích của cổ đông thiểu số	29,963,138,818	50,638,562,984
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,415,842,331,307	1,680,479,314,795

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÍ 2/2008

TT	CHỈ TIÊU	QUÝ 4	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	842,383,526,263	4,105,558,793,828
2	Các khoản giảm trừ	6,726,791,386	25,198,876,569
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	835,656,734,877	4,080,359,917,259
4	Giá vốn hàng bán	729,710,189,619	3,742,018,007,961
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105,946,545,258	338,341,909,298
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24,448,009,127	74,794,690,735
7	Chi phí hoạt động tài chính	27,972,487,396	78,633,103,780
8	Chi phí bán hàng	39,526,707,383	134,803,801,500
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,663,267,716	44,256,134,734
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	47,232,091,890	155,443,560,019
11	Thu nhập khác	3,122,376,635	12,956,704,753
12	Chi phí khác	215,176,382	717,090,418
13	Lợi nhuận khác	2,907,200,253	12,239,614,335
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50,139,292,143	167,683,174,354
15	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	6,188,290,734	36,657,304,528
16	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	0	2,108,044
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43,951,001,409	131,023,761,782
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	2,193,958,719	4,558,015,831
17.2	Lợi nhuận sau thuế	41,757,042,690	126,465,745,951
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,379	4,216
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	50.50%	53.21%
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	49.50%	46.79%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	41.01%	42.60%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	58.99%	57.40%
3	Khả năng thanh toán (Lần)		
	- Khả năng thanh toán nhanh	0.10	0.16
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1.37	1.23
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3.08%	2.62%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	4.42%	5.26%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	4.27%	4.81%

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Thị Pài

Cao Thị Ngọc Dung